

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

(ĐỊNH NGHĨA)

VÌ SAO TA CẦN PHẢI ĐỌC HỌ?

Cách đây dăm năm, khi sang du lịch nước Tàu, Maurice Dekobra có ghé qua Sài Gòn; một nhà viết báo Việt Nam có đến phỏng vấn ông. Trong số những lời tuyên bố của nhà văn sĩ có tiếng là ngông nghênh và khoác lác ấy, có câu này đã làm cho một tạp chí hồi đó dùng làm đầu đề để chế giễu: “Tôi không bao giờ đọc các nhà văn đồng thời.”

Dekobra tưởng tuyên bố như thế thì giá trị của mình sẽ được cao, nhưng có biết đâu người ta lại xét đoán ông cách khác: người làm nghề viết mà không đọc các nhà văn đồng thời thì cũng chẳng khác nào người chèo thuyền chỉ biết cúi đầu nhìn vào khoang thuyền của mình, không biết đến dòng nước chảy quanh.

Cái tầm thường trong tác phẩm của Dekobra, người thức giả đều thấy rõ, nên có lẽ vì muốn cho mọi người tưởng mình không học đòi một nhà văn hiện đại nào, Dekobra đã thốt ra lời trên này.

Nhưng thật ra, đọc các nhà văn hiện đại có phải để đi nhặt lấy một ít ý tưởng để mình viết theo không? Nếu lại có một nhà văn tầm thường đến nước ấy thì không còn xứng đáng là một nhà văn nữa.

Để tâm xét đoán các nhà văn hiện đại, để tâm phê bình tác phẩm của những nhà văn ấy, chỉ có thể vì những mục đích sau này:

1) Nhận cho rõ trào lưu, tình hình xã hội và những xu hướng về tinh thần, về vật chất, về chính trị, về tôn giáo, mà tác phẩm của họ chỉ là những tấm gương phản chiếu;

2) Xét sự tiến hóa về đường nghệ thuật và tư tưởng của các nhà văn hiện đại qua những tác phẩm của họ, để xem trong số họ, những người nào là những người giữ chức vụ hướng đạo hay quan sát và những người nào chỉ là những người theo trào lưu.

3) So sánh trình độ văn học của ta và trình độ văn học của những nước mà chúng ta đã hiểu biết văn hóa và so sánh những nhà văn hiện đại của ta với những nhà văn thuở xưa của ta để ước định con đường tiến bộ hiện thời và tương lai.

Đó là những công việc mà nhà phê bình cần phải theo đuổi, những công việc rất khó, vì nó sẽ đụng chạm tới nhiều người, cả người đọc lẫn người viết, nhưng rồi óc công bình sẽ làm cho người ta hiểu rằng trong văn chương, lối phê bình là lối phải theo phương pháp khoa học nhiều nhất, và một khi đã có khoa học dựa vào thì không thể nào có sự thiên vị được. Sự thiên vị mà người đọc tưởng là nhận thấy trong một bài phê bình, chỉ có thể coi là một sự khiếm khuyết trong sự nhận xét của nhà phê bình, chứ thật ra đã phê bình một cách chân chính thì bao giờ cũng phải đặt tình cảm ra ngoài.

Thí dụ muốn biết tại sao Lê Văn Trương, người chủ trương cái triết lý sức mạnh bùng nổ, lại được nhiều người

trung lưu đọc; Khái Hưng, nhà tiểu thuyết về lý tưởng, rồi về phong tục, lại được phần đông các bạn gái rất hoan nghênh; Nguyễn Tuân, một văn sĩ có cái giọng văn khinh bạc và tai ác lại được nhiều nghệ sĩ yêu mến; Trọng Lang, nhà phóng sự nhạo đời và đùa cợt với đời, lại được những người có óc tân tiến ham đọc, vân vân.

Cái phần hay cũng như cái phần không hay trong những tác phẩm của các nhà văn, nhà phê bình đều phải xét nhận rất kỹ.

“Cái muốn biết rõ” của nhà phê bình làm cho họ phải tự xướng lên nhiều câu hỏi, nó đưa họ vào nhiều ngã để phân tích từng tác phẩm, định giá trị từng nhà văn theo những điều xét nhận, rồi nhờ đấy biết được đoạn đường văn học hiện đại để ước định tương lai.

Như vậy, chúng ta chỉ có thể cho cái câu mà Dekobra đã ngỏ cùng một nhà viết báo trên này là một câu của một văn sĩ ngông cuồng. Chúng ta cần phải đọc các nhà văn đồng thời để hiểu những người ở quanh ta, đang sống cùng với ta.

ĐỊNH NGHĨA

Các nhà văn hiện đại là những nhà văn nào?

Hai chữ “*hiện đại*” mới nghe tưởng như có một nghĩa tuyệt đối, nhưng thật ra nó chỉ có một nghĩa tương đối thôi; tương đối theo với sự rộng hẹp mà người ta dùng nó. Các nhà văn hiện đại mà tôi sẽ nói đến sau này là những nhà văn có những tác phẩm xuất bản trong khoảng ba mươi năm gần đây. Tôi muốn thu hẹp lại như thế, vì chỉ từ ba mươi năm trở lại đây mới thật có những sách xuất bản *bằng quốc văn* có giá trị, đáng coi là những văn phẩm và thi phẩm. Nói như vậy, không phải là bảo trước kia không có những văn thơ có giá trị bằng tiếng Việt Nam. Tôi vẫn nhớ đến Trần Kế Xương,

đến Yên Đổ, đến Thanh Quan; nhưng tôi muốn đặt họ vào các thi sĩ *cận đại*. Tuy vậy tôi sẽ nói riêng đến một nhà văn, một nhà bác học, là người đã làm khuôn mẫu cho lớp nhà văn đi tiên phong lớp người chuyên về dịch thuật và biên khảo mà ta có thể coi là những lối văn mới, nếu ta đem so với những thứ văn cổ của ta.

Nhà văn theo nghĩa tôi dùng đây là những người viết văn xuôi hay văn vần, có tính cách vĩnh viễn, đăng trong các báo chí hay trong những sách đã xuất bản, mà điều cốt yếu là những văn phẩm của họ đã được người đồng thời chú ý.

Về điều này, nhà viết báo khác nhà văn ở chỗ chỉ viết rất những bài về thời sự, có tính chất riêng hẳn về chính trị, tôn giáo, kinh tế hay xã hội, nói tóm lại, về tất cả những vấn đề không có tính cách văn chương, và chỉ có ý nghĩa, giá trị, trong một thời gian rất ngắn.

Như vậy, về thi ca, tôi có thể nói đến Tương Phố là người chưa có tập thơ nào xuất bản thành sách và sẽ không nói đến những người tuy có làm nhiều thơ nhưng tác phẩm của họ chưa ảnh hưởng đến người đời; về truyện ngắn trong thời kỳ phôi thai, tôi có thể nói đến Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, và sẽ không nói đến những người mà ngay thời ấy đã “có thơ văn bán phố phường.”

CÁC NHÀ VĂN ĐI TIÊN PHONG

QUYỂN NHẤT

I

NHỮNG NHÀ VĂN HỒI MỚI CÓ CHỮ QUỐC NGỮ

Nhiều nhà học giả nói thứ chữ Thổ bây giờ là văn tự của ta thời xưa, nhưng những lời nói ấy chưa đủ là những chứng cứ rõ rệt. Vì những việc thuở xưa không thấy ghi chép bằng thứ chữ Thổ. Như vậy, dầu nó có là văn tự của ta thuở xưa đi nữa, nó cũng không phải là thứ chữ phổ thông.

Một điều mà ai cũng biết là từ khi có vết chân người Tàu trên đất nước Nam, Hán học truyền vào nước ta, và ta đã mượn cái hình chữ Hán để đặt ra một thứ chữ của ta: chữ Nôm.

Chữ Nôm, ta chỉ biết có từ trước đời Trần, rồi đến đời Trần mới thật thịnh hành. Từ thế kỷ XIII trở đi, chữ Nôm rất được nhà vua và nhân dân dùng: nào chiếu chỉ, nào thi ca, nào thư từ, đều bằng chữ Nôm cả.

Mãi đến đầu triều Minh Mệnh (1820 - 1840), nhà nước mới bỏ chữ Nôm, học trò đi thi và các sớ tâu đều phải dùng toàn chữ Hán, mà phải viết cho đúng tự điển

Khang Hy. Chữ Nôm vì đây ít khi được dùng, nhưng trong dân gian người ta vẫn đọc sách Nôm để giải trí.

Chữ quốc ngữ của ta ngày nay là thứ chữ viết theo lối La Tinh do các cố đạo Gia Tô đặt ra để tiện việc truyền giáo. Vào khoảng cuối thế kỷ XVI, có các giáo sĩ người Bồ Đào Nha là bọn các ông cố Gaspard Amiral, Antoine Barbore cùng các giáo sĩ người Pháp và người Nhật đến Bắc Kỳ. Rồi kể đến ông Alexandre de Rhodes tới Nam Kỳ từ tháng Chạp tây năm 1624. Ông là một nhà bác học rất giỏi về khoa ngôn ngữ; mới ở Nam Kỳ được bốn tháng, ông đã thông hiểu tiếng nước ta, rồi qua sáu tháng ông đã giảng đạo được bằng tiếng Việt Nam.

Lúc đó, ở ngoài Bắc, có cố Julien Baldinotti chưa nói được tiếng ta, nên mới mời cố Alexandre de Rhodes ra để giúp cho công việc truyền đạo. Cố Alexandre de Rhodes ra Bắc Kỳ ngày 19 tháng Mai⁽¹⁾ 1625; rồi đến năm 1651, ông xuất bản hai quyển bằng quốc ngữ nhan đề là: *Dictionarium annamiticum* và *Catechismus*. Cố Alexandre de Rhodes có nói hai quyển này soạn theo bản của hai giáo sĩ Gaspard Amiral và Antoine Barbore. Như vậy thứ chữ quốc ngữ chúng ta hiện dùng ngày nay không phải do một người đặt ra, mà do ở nhiều người góp sức. Điều chắc chắn là cố Alexandre de Rhodes là người thông thạo tiếng Việt Nam nhất, đã có công đầu trong công việc nghiên cứu.

Chữ quốc ngữ do các cố đạo Gia Tô đặt ra sở dĩ có đủ được hết mọi giọng trong tiếng Việt Nam như thế là nhờ theo giọng Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ. Các ông cố đã hợp giọng Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ để đặt ra văn quốc ngữ, vì cái chỗ đứng của miền Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ không đúng bằng miền Bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn chỗ sai lại sai quá.

(1) Mai: Tháng Năm (tiếng Pháp) – BT (Chú thích của biên tập. Những chú thích khác của tác giả được giữ nguyên.)

Nhiều người đã nhận thấy rằng càng xuống miền Nam bao nhiêu, càng thấy sai bấy nhiêu. Điều đó do ở sự người miền Nam Trung Kỳ và Nam Kỳ phát âm tiếng Việt Nam không đủ giọng bằng người miền Bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Bởi thế cho nên khi đặt ra quốc ngữ, chỉ dùng giọng Bắc Kỳ và giọng miền Bắc Trung Kỳ là đủ.

Chữ quốc ngữ tuy căn cứ vào giọng miền Bắc nước Việt Nam, nhưng bắt đầu được thông dụng, được học tập, được in ra sách, lại là công của đồng bào ta, trong Nam Kỳ.

Hồi đầu, chỉ có các tín đồ đạo Gia Tô dùng chữ quốc ngữ để dịch kinh, dịch sách, dạy trong các trường nhà Chung. Ở nước ta, những người theo đạo Gia Tô đã dùng chữ quốc ngữ đầu tiên, song ngoài phạm vi đạo giáo, người Nam Kỳ, là những người Việt Nam đã dùng chữ quốc ngữ trước nhất.

Nhưng chữ quốc ngữ có được mẫu mực và được lan rộng ở Nam Kỳ sớm hơn cả là nhờ mấy nhà học giả đã thâm thái được học thuật Âu Tây trong hồi người Pháp mới đến nước Nam. Trong số những nhà học giả Việt Nam theo Tây học ấy, người ta phải kể đến hai người có tiếng nhất là Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Trai (tức Paulus Cửa). Hai ông đã dùng chữ quốc ngữ để truyền bá học thuật và tư tưởng Âu Tây và soạn tự điển Việt Pháp để người Nam có thể dùng mà học tiếng Pháp. Bộ *Việt Pháp tự điển* của Paulus Cửa là một bộ tự điển mà gần đây cả người Bắc lẫn người Nam vẫn còn dùng.

Còn Trương Vĩnh Ký thì thật là một nhà bác học. Ông không những là một nhà văn, một nhà viết sử, một nhà dịch thuật, mà lại còn là một người rất giỏi về khoa ngôn ngữ. Ông thật xứng đáng làm tiêu biểu cho tất cả những người sốt sắng với quốc văn lúc đầu ở Nam Kỳ; sự nghiệp của ông, chúng ta không thể nào không biết đến được.